

**Phụ lục II**  
**DANH MỤC NHIỆM VỤ CỤ THỂ TRIỂN KHAI THỰC HIỆN KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH;  
NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN TRỊ VÀ HÀNH CHÍNH CÔNG, NĂNG LỰC CẠNH TRANH CẤP TỈNH,  
GẮN VỚI ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO, CHUYỂN ĐỔI SỐ  
TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG NGÃI GIAI ĐOẠN 2026 - 2030**  
*(Kèm theo Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 07 tháng 5 năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi)*

| STT      | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                              | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                                      | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
| <b>I</b> | <b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>                                                                                                                                                               |                 |                                                                                       |                     |         |
| 1        | Rà soát, hệ thống hóa toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) do HĐND, UBND tỉnh ban hành giai đoạn 2021 - 2025; lập danh mục văn bản cần sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ. | Sở Tư pháp      | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan, đơn vị có liên quan                   | 2026                |         |
| 2        | Xây dựng và triển khai kế hoạch hằng năm về công tác xây dựng, kiểm tra, rà soát VBQPPL.                                                                                              | Sở Tư pháp      | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                  | Thường xuyên        |         |
| 3        | Tổ chức lấy ý kiến người dân, doanh nghiệp, đối tượng chịu tác động đối với dự thảo VBQPPL; nâng cao chất lượng phản biện xã hội, bảo đảm tính khả thi của văn bản.                   | Sở Tư pháp      | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh; Hiệp hội Doanh nghiệp và các cơ quan liên quan | Thường xuyên        |         |
| 4        | Tăng cường kiểm tra, xử lý VBQPPL; kịp thời phát hiện, xử lý hoặc kiến nghị xử lý các quy định chồng chéo, mâu thuẫn, không còn phù hợp.                                              | Sở Tư pháp      | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan                                        | Thường xuyên        |         |

| STT       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì                                                      | Cơ quan phối hợp                                         | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|           |                                                                                                                                                                    |                                                                      | liên quan                                                |                     |         |
| 5         | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, theo dõi, cập nhật cơ sở dữ liệu VBQPPL của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ với cơ sở dữ liệu quốc gia.        | Sở Tư pháp                                                           | Văn phòng UBND tỉnh và các cơ quan liên quan             | 2026 - 2028         |         |
| 6         | Theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện thể chế, chính sách phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. | Sở Tư pháp                                                           | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | Thường xuyên        |         |
| 7         | Xây dựng văn hóa tuân thủ pháp luật, bảo đảm thượng tôn Hiến pháp và pháp luật trở thành chuẩn mực ứng xử của mọi chủ thể trong xã hội.                            | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan             | Sở Tư pháp                                               | Thường xuyên        |         |
| 8         | Thực hiện nghiêm trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản theo quy định của Luật Ban hành VBQPPL và các văn bản hướng dẫn thi hành.                          | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan             | Sở Tư pháp                                               | Thường xuyên        |         |
| 9         | Thu hút, tiếp nhận chuyên gia, nhà khoa học pháp lý, luật gia, luật sư giỏi vào khu vực công.                                                                      | Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | Sở Nội vụ                                                | Thường xuyên        |         |
| <b>II</b> | <b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>                                                                                                                                 |                                                                      |                                                          |                     |         |
| 1         | Thực hiện rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính                                                                                                                 | Văn phòng UBND tỉnh                                                  | Các sở, ban, ngành;                                      | Thường xuyên        |         |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì                                                               | Cơ quan phối hợp                                         | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|     | (TTHC); cắt giảm, đơn giản hóa các quy định, thủ tục không cần thiết, gây khó khăn cho người dân, doanh nghiệp; rà soát, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước và trong từng cơ quan hành chính nhà nước. |                                                                               | UBND cấp xã                                              |                     |         |
| 2   | Kiểm soát chặt chẽ quy định TTHC ngay từ khâu dự thảo VBQPPL, bảo đảm TTHC mới ban hành phải thật sự cần thiết và đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện.                                                                                          | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | Sở Tư pháp                                               | Thường xuyên        |         |
| 3   | Tăng cường kiểm tra trách nhiệm thực hiện công vụ của công chức trong giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công cho người dân, doanh nghiệp.                                                                                                   | Văn phòng UBND tỉnh                                                           | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | Thường xuyên        |         |
| 4   | Tăng cường công khai, minh bạch TTHC; bảo đảm 100% TTHC được cập nhật đầy đủ, kịp thời trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.                                                                                                                 | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành                                       | UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                     | Thường xuyên        |         |
| 5   | Cập nhật, công bố TTHC, danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cấp chính quyền trên địa bàn tỉnh khi có thay đổi, đảm bảo kịp thời, đầy đủ.                                                                                      | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành                                       | UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                     | Thường xuyên        |         |
| 6   | Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình; nâng cao tỷ lệ người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến; mở rộng hạ tầng, tiện ích thanh toán điện tử trong cung cấp dịch vụ                                           | Ngân hàng nhà nước, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Tư pháp, Công an             | Văn phòng UBND tỉnh                                      | 2026 - 2030         |         |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                | Cơ quan chủ trì                                                | Cơ quan phối hợp                | Thời gian thực hiện                                                                                | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------|---------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|     | công; kết nối đồng bộ với các hệ thống tài chính, ngân hàng, trung gian thanh toán.                                                                                                                                                                                     | tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan |                                 |                                                                                                    |         |
| 7   | Thực hiện việc số hóa, cập nhật đầy đủ, kịp thời, chính xác dữ liệu hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC theo quy định.                                                                                                                                                       | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã           | Các cơ quan liên quan           | Thường xuyên                                                                                       |         |
| 8   | Tổ chức triển khai thực hiện TTHC không phụ thuộc vào địa giới hành chính để thuận tiện cho việc thực hiện của tổ chức, cá nhân, không phân biệt cấp chính quyền, địa giới hành chính nơi cư trú, nơi đặt trụ sở hoặc nơi đã cấp các loại giấy tờ cho tổ chức, cá nhân. | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã           | Các cơ quan liên quan           | 2026 - 2030<br><i>(trong đó tập trung hoàn thành các điều kiện nền tảng trong năm 2026 - 2027)</i> |         |
| 9   | Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Phục vụ hành chính công các cấp; bảo đảm giải quyết TTHC đúng hạn, đúng quy định, nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp.                                                                                      | Văn phòng UBND tỉnh                                            | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | 2026 - 2030                                                                                        |         |
| 10  | Tăng cường tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp liên quan đến quy định hành chính; kịp thời xử lý, phản hồi theo quy định, nâng cao trách nhiệm giải trình của cơ quan                                                                      | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã           | Các cơ quan liên quan           | Thường xuyên                                                                                       |         |

| STT        | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì                                                                            | Cơ quan phối hợp                                                    | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|            | hành chính nhà nước.                                                                                                                                                                                                                         |                                                                                            |                                                                     |                     |         |
| <b>III</b> | <b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>                                                                                                                                                                                                               |                                                                                            |                                                                     |                     |         |
| 1          | Rà soát, đề xuất sắp xếp tinh gọn các đầu mối tổ chức bên trong của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh và tương đương theo hướng dẫn của các bộ, ngành trung ương.                                                                       | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành                                                              | Sở Nội vụ                                                           | Thường xuyên        |         |
| 2          | Hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung, ban hành các quy định pháp luật, giải quyết triệt để các vướng mắc phát sinh để vận hành mô hình tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp thông suốt, hiệu quả.                                               | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành ( <i>đối với các ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý</i> ) | Sở Nội vụ; Sở Tư pháp; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã              | 2026                |         |
| 3          | Triển khai sắp xếp đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp nhà nước, tổ chức bên trong hệ thống hành chính nhà nước, bảo đảm các cơ quan, đơn vị, tổ chức, địa phương sau sắp xếp được vận hành và hoạt động thông suốt, hiệu lực, hiệu quả. | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                                 | Sở Nội vụ; Sở Tài chính; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã            | 2026-2030           |         |
| 4          | Rà soát, hoàn thiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các cơ quan, đơn vị; bảo đảm không chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ.                                                                               | Sở Nội vụ                                                                                  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                     | 2026-2027           |         |
| 5          | Đẩy mạnh phân cấp, phân quyền trong quản lý nhà nước giữa các cấp chính quyền; gắn với tăng cường kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực.                                                                                                   | Sở Nội vụ                                                                                  | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan | 2026-2030           |         |

| STT       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                  | Cơ quan chủ trì        | Cơ quan phối hợp                                                    | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|           |                                                                                                                                                                                           |                        | liên quan                                                           |                     |         |
| 6         | Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước; rà soát, hoàn thiện quy chế phối hợp, bảo đảm rõ trách nhiệm, tránh chồng chéo.            | Văn phòng UBND tỉnh    | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | 2026-2027           |         |
| 7         | Tổ chức đánh giá hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; gắn với kết quả CCHC, chuyển đổi số và mức độ hoàn thành nhiệm vụ.                                               | Sở Nội vụ              | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan            | Hàng năm            |         |
| 8         | Triển khai khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ y tế công trên địa bàn tỉnh.                                                                                  | Sở Y tế                | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan            | Hàng năm            |         |
| 9         | Triển khai khảo sát, đo lường mức độ hài lòng của người dân đối với dịch vụ Giáo dục công trên địa bàn tỉnh.                                                                              | Sở Giáo dục và Đào tạo | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan            | Hàng năm            |         |
| <b>IV</b> | <b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>                                                                                                                                                            |                        |                                                                     |                     |         |
| 1         | Rà soát, hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, cơ cấu ngạch công chức, cơ cấu chức danh nghề nghiệp viên chức theo quy định; bảo đảm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và yêu cầu thực tiễn. | Sở Nội vụ              | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                     | 2026                |         |
| 2         | Nâng cao chất lượng tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức, viên chức; bảo đảm công                                                                                             | Sở Nội vụ              | Các sở, ban, ngành; UBND cấp                                        | 2026 - 2030         |         |

| STT      | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                 | Cơ quan chủ trì                            | Cơ quan phối hợp                                                                                          | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|----------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|          | khai, minh bạch, cạnh tranh, lựa chọn đúng người, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm.                                                                                                                                                       |                                            | xã và các cơ quan liên quan                                                                               |                     |         |
| 3        | Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức, nhất là kỹ năng số; bảo đảm 100% cán bộ, công chức, viên chức được đào tạo kỹ năng số cơ bản, làm chủ công nghệ trong thực thi công vụ.                                      | Sở Nội vụ                                  | Trường Chính trị tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | Thường xuyên        |         |
| 4        | Đổi mới công tác đánh giá cán bộ, công chức, viên chức theo hướng thực chất; gắn với kết quả thực hiện nhiệm vụ, sản phẩm đầu ra và mức độ hoàn thành nhiệm vụ hằng năm của cá nhân và cơ quan, đơn vị.                                  | Sở Nội vụ                                  | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                                                  | 2026 - 2030         |         |
| 5        | Tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính; nâng cao trách nhiệm, đạo đức công vụ; kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm trong thực thi công vụ.                                                                                    | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã | Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh và các cơ quan liên quan                                                        | Thường xuyên        |         |
| 6        | Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng, hoàn thiện cơ sở dữ liệu về cán bộ, công chức, viên chức, bảo đảm đồng bộ, kết nối, chia sẻ dữ liệu, phục vụ công tác quản lý, đánh giá và điều hành. | Sở Nội vụ                                  | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan                                     | 2027 - 2029         |         |
| <b>V</b> | <b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>                                                                                                                                                                                                           |                                            |                                                                                                           |                     |         |
| 1        | Tổ chức triển khai có hiệu quả các quy định về                                                                                                                                                                                           | Sở Tài chính                               | Các sở, ban,                                                                                              | 2026 - 2030         |         |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | Cơ quan chủ trì | Cơ quan phối hợp                                                    | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|     | quản lý, sử dụng tài sản công đã được Chính phủ quy định tại Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025, Nghị định số 286/2025/NĐ-CP ngày 03/11/2025 và các quy định có liên quan. Tăng cường đôn đốc, kiểm tra công tác quản lý, sử dụng tài sản công, đặc biệt là việc sắp xếp, xử lý nhà, đất của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau sắp xếp tổ chức bộ máy, vận hành mô hình chính quyền địa phương 02 cấp. |                 | ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                         |                     |         |
| 2   | Rà soát, bố trí kinh phí phục vụ số hóa tài liệu, đầu tư trang thiết bị, cải tạo cơ sở vật chất, đặc biệt ưu tiên các xã miền núi, vùng sâu, vùng xa và những nơi hợp nhất, sáp nhập, bảo đảm đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ.                                                                                                                                                                                       | Sở Tài chính    | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan            | Thường xuyên        |         |
| 3   | Đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định; gắn với nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công; chuyển đổi các đơn vị sự nghiệp công lập đủ điều kiện sang mô hình doanh nghiệp; tự chủ hoàn toàn cả về chi đầu tư và chi thường xuyên.                                                                                                                    | Sở Tài chính    | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | 2026 - 2029         |         |
| 4   | Tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước và tài sản công; thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách, nâng cao trách nhiệm giải trình.                                                                                                                                                                                                                             | Sở Tài chính    | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan            | Hàng năm            |         |
| 5   | Nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực tài chính                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Sở Tài chính    | Các sở, ban,                                                        | 2026 - 2030         |         |



| STT       | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                     | Cơ quan chủ trì                               | Cơ quan phối hợp                                                      | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|           | phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.                                                                                                      |                                               | ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                           |                     |         |
| 6         | Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý ngân sách, kế toán, tài sản công; từng bước hiện đại hóa, số hóa công tác quản lý tài chính công, gắn với chuyển đổi số trong lĩnh vực tài chính công.   | Sở Tài chính                                  | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan | 2026 - 2028         |         |
| <b>VI</b> | <b>PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ; ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KHOA HỌC, CÔNG NGHỆ, ĐỔI MỚI SÁNG TẠO VÀ CHUYỂN ĐỔI SỐ</b>                                                                            |                                               |                                                                       |                     |         |
| 1         | Đẩy mạnh ứng dụng khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước; gắn với đổi mới phương thức làm việc, nâng cao năng suất, hiệu quả hoạt động.      | Sở Khoa học và Công nghệ                      | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                       | 2026 - 2030         |         |
| 2         | Phát triển, hoàn thiện các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của tỉnh; bảo đảm kết nối, chia sẻ dữ liệu với các hệ thống, cơ sở dữ liệu quốc gia và các bộ, ngành Trung ương; khai thác hiệu quả dữ liệu số. | Các sở, ban, ngành                            | Sở Khoa học và Công nghệ và các cơ quan liên quan                     | 2026 - 2028         |         |
| 3         | Tăng cường xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng; nâng cao tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử; thực hiện điều hành dựa trên dữ liệu số, theo dõi, đánh giá theo thời gian thực.                              | Sở Khoa học và Công nghệ; Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                       | 2026 - 2028         |         |
| 4         | Tập trung số hóa dữ liệu, khai thác tái sử dụng dữ                                                                                                                                                           | Văn phòng UBND                                | Các cơ quan                                                           | Thường              |         |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                           | Cơ quan chủ trì                         | Cơ quan phối hợp                                                                   | Thời gian thực hiện                                     | Ghi chú |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------|
|     | liệu để cắt giảm, đơn giản hóa TTHC, trọng tâm là các lĩnh vực tư pháp, giáo dục, y tế, đất đai.                                                                                                   | tỉnh; các sở, ban, ngành và UBND cấp xã | liên quan                                                                          | xuyên                                                   |         |
| 5   | Ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong cung cấp dịch vụ công trực tuyến và xử lý hồ sơ; từng bước triển khai dịch vụ công “chủ động”, hỗ trợ cá thể hóa theo nhu cầu người dân, doanh nghiệp.        | Sở Khoa học và Công nghệ                | Văn phòng UBND tỉnh; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan      | 2026 - 2030<br>(ưu tiên thí điểm giai đoạn 2026 - 2027) |         |
| 6   | Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin cho các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước; chủ động phòng ngừa, phát hiện, xử lý các nguy cơ mất an toàn thông tin.                                       | Các sở, ban, ngành                      | Công an tỉnh; Sở Khoa học và Công nghệ; các cơ quan liên quan                      | 2026 - 2030                                             |         |
| 7   | Đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực số cho cán bộ, công chức, viên chức; phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số và đổi mới sáng tạo.                                                     | Sở Nội vụ                               | Sở Khoa học và Công nghệ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan | Hàng năm                                                |         |
| 8   | Thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số; hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, ứng dụng khoa học, công nghệ và chuyển đổi số trong sản xuất, kinh doanh.                                         | Sở Khoa học và Công nghệ                | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                           | 2026 - 2030                                             |         |
| 9   | Đánh giá, theo dõi mức độ chuyển đổi số của các cơ quan, đơn vị gắn với kết quả cải cách hành chính; theo dõi, đánh giá kết quả cải thiện các Chỉ số Chuyển đổi số (DTI), đổi mới sáng tạo cấp địa | Sở Khoa học và Công nghệ                | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                | Hàng năm                                                |         |

| STT        | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                    | Cơ quan chủ trì                                                                       | Cơ quan phối hợp                                                                                         | Thời gian thực hiện | Ghi chú |
|------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------|
|            | phương (PII).                                                                                                                                                                                                                                                               |                                                                                       |                                                                                                          |                     |         |
| <b>VII</b> | <b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH</b>                                                                                                                                                                                                                                          |                                                                                       |                                                                                                          |                     |         |
| 1          | Tổ chức triển khai, quán triệt Kế hoạch CCHC; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030.             | Sở Nội vụ                                                                             | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                                                          | 2026                |         |
| 2          | Tổ chức đánh giá, công bố Chỉ số cải cách hành chính hằng năm đối với các sở, ban, ngành và UBND cấp xã; gắn với theo dõi, đánh giá kết quả cải thiện các chỉ số PAR INDEX, SIPAS, PAPI, PCI; đồng thời theo dõi các chỉ số PII, DTI.                                       | Sở Nội vụ; Sở Khoa học và Công nghệ; Trung tâm Xúc tiến đầu tư, Thương mại và Du lịch | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan                                                 | Hằng năm            |         |
| 3          | Tăng cường thông tin, tuyên truyền về CCHC, khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, trong đó chú trọng tuyên truyền để nâng cao tỷ lệ sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến và các nội dung liên quan trực tiếp đến người dân, doanh nghiệp. | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                            | Sở Nội vụ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; các sở, ban, ngành; các cơ quan báo chí và cơ quan liên quan | Thường xuyên        |         |
| 4          | Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện CCHC, phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời phát hiện, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và chấn chỉnh, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm.                 | Sở Nội vụ; các sở, ban, ngành; UBND cấp xã                                            | Sở Nội vụ; Thanh tra tỉnh; các sở, ban, ngành và các cơ quan liên quan                                   | Hằng năm            |         |

| STT | Nhiệm vụ                                                                                                                                                                                                                                                                              | Cơ quan chủ trì                                | Cơ quan phối hợp                                                 | Thời gian thực hiện                                | Ghi chú |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------|---------|
| 5   | Tổ chức sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch cải cách hành chính giai đoạn 2026 - 2030 gắn với các mục tiêu về quản trị, năng lực cạnh tranh và chuyển đổi số (sơ kết năm 2028; tổng kết năm 2030).                                                                  | Sở Nội vụ                                      | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan         | 2028 - 2030                                        |         |
| 6   | Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua Cải cách hành chính; nâng cao hiệu quả quản trị và hành chính công, năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, gắn với đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi giai đoạn 2026 - 2030. | Sở Nội vụ ( <i>Ban Thi đua - Khen thưởng</i> ) | Các sở, ban, ngành; UBND cấp xã và các cơ quan liên quan         | Thường xuyên ( <i>xây dựng Kế hoạch năm 2026</i> ) |         |
| 7   | Tăng cường vai trò giám sát của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội đối với công tác cải cách hành chính; phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, nhất là việc giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công và phục vụ người dân, doanh nghiệp.     | Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh          | Sở Nội vụ; các tổ chức chính trị - xã hội; các cơ quan liên quan | Thường xuyên                                       |         |